

5 Nakayoku asobou
なかよく あそぼう

クーン ヴィ チョーイ
Cùng vui chơi

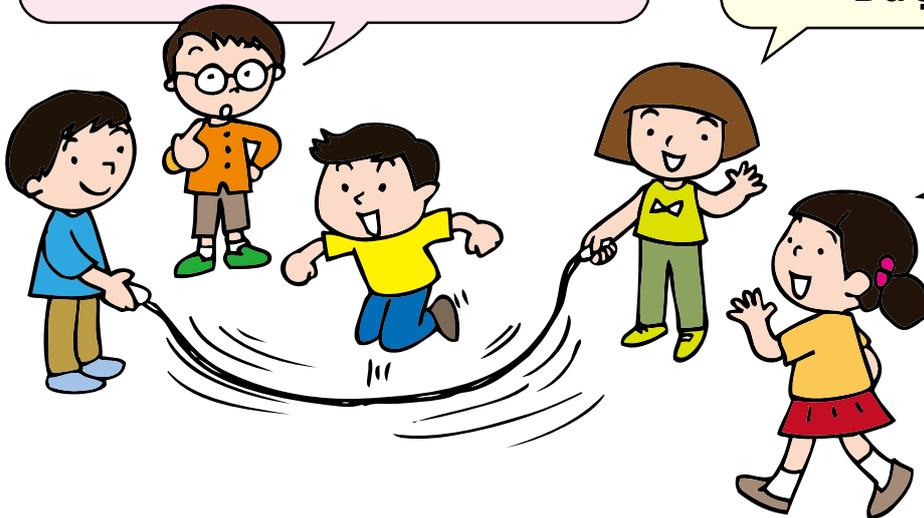
nawatobi
なわとび

ニヤイ ザイ
nhảy dây

Isshoni asobitaina.
いっしょにあそびたいな。
ムオン チョイ チュン クワー
Muốn chơi chung quá.

Iiyo.
いいよ。
ドゥツ (ク)
Được.

Irete.
いれて。
チョー ミン パオ チョイ
Cho mình vào chơi.



sakkaa
サッカー

ダー ボーン
đá bóng

Sakkaa o shiyou.
サッカーをしよう。
クーン チョイ ダー ボーン
Cùng chơi đá bóng.



Ashi ga itaikara dekimasen.
あしがいたいからできません。

チャン ダウー ネン コン チョイ ドゥツ (ク)
Chân đau nên không chơi được.



Basukettobooru
バスケットボール
ボーン ゾー
bóng rổ



Bokunimo yarasete.
ぼくにも やらせて。

チョー トイ チョイ ボイ
Cho tôi chơi với.

Isshoni yarou.
いっしょに やろう。

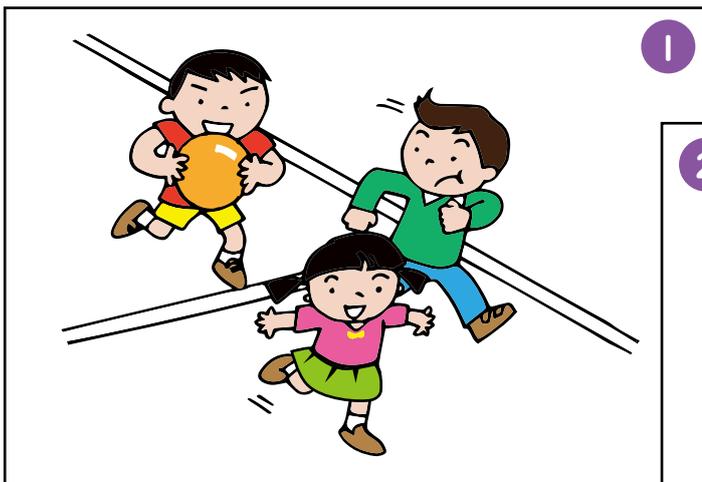
クーン チョイ ボイ ニャウ
Cùng chơi với nhau.



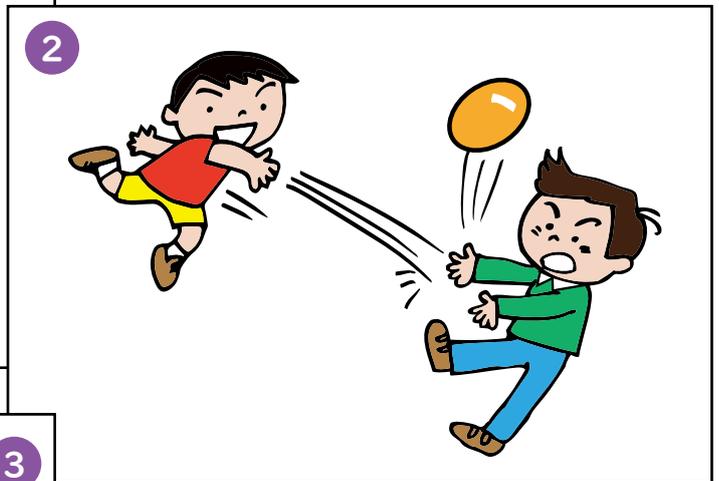
Douzo.
どうぞ。
ドウツ (ク)
ĐƯỢC.



dojjibooru
ドッジボール
ネム ボーン
ném bóng



1



2



3

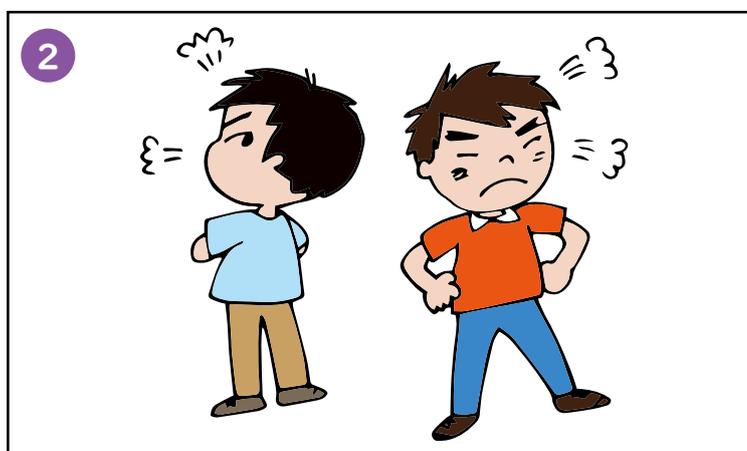


4

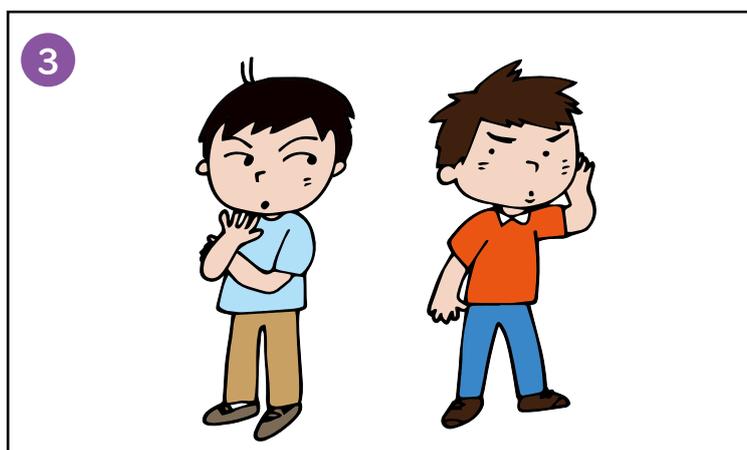
Gomennasai.
ごめんなさい。
シン ローイ
Xin lỗi.



ハイ バン ダーン ダイン ニャウ
※ Hai bạn đang đánh nhau.

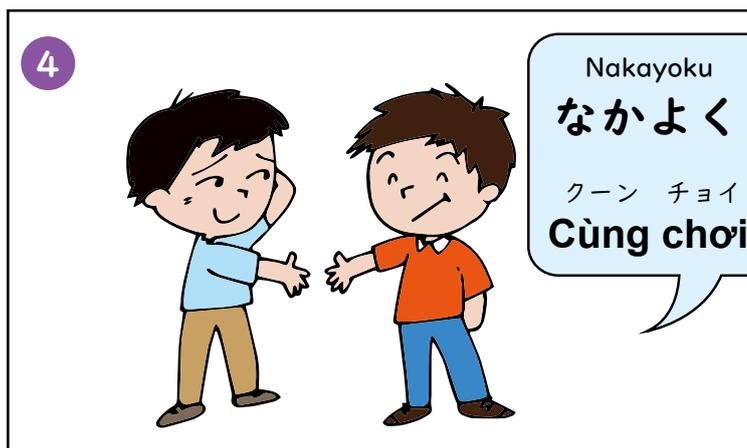


ハイ バン デウー ギー ドイ フウーん コー ローイ
※ Hai bạn đều nghĩ đối phương có lỗi.



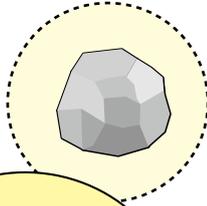
ニュン ハイ バン デウー ムオン チョイ タン
※ Nhưng hai bạn đều muốn chơi thân

ボイ ニャウ
với nhau.

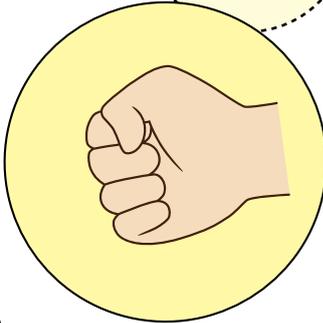


Nakayoku shiyou.
なかよく しよう。
クーン チョイ タン ニエー
Cùng chơi thân nhé.

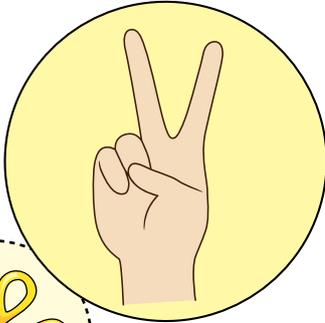
クーン パツ (ト) タイ, ラム ホア ボイ ニャウ ナオ!
※ Cùng bắt tay, làm hòa với nhau nào!



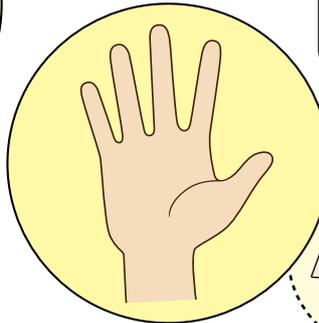
Ishi
いし
クッ (ク) ター
cục đá



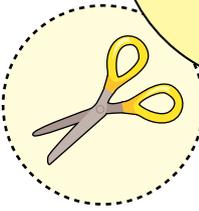
guu
ぐう
ブア
búa



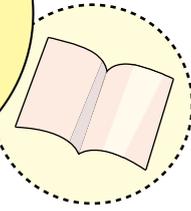
choki
ちよき
ケオ
kéo



paa
ぱあ
バオ
bao

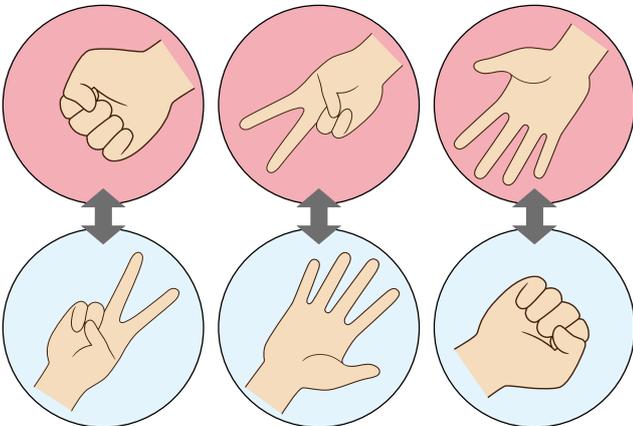


Hasami
はさみ
カイ^ー ケオ^ー
cây kéo

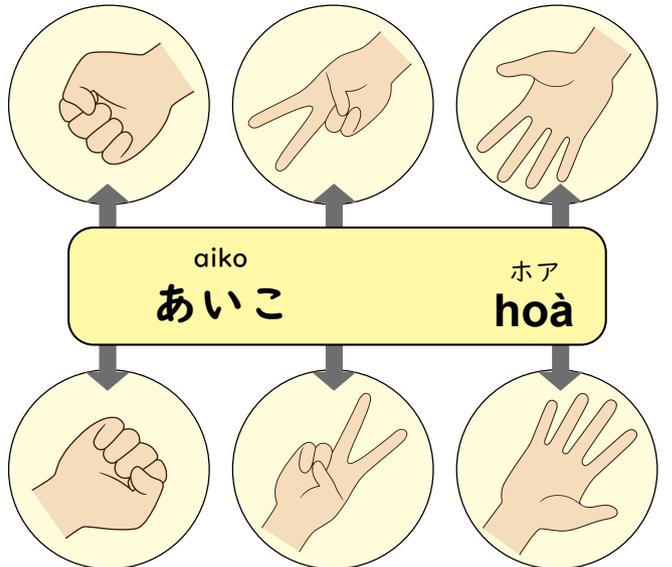


Kami
かみ
ザイ^ー
giấy

kachi
かち
ターン
thắng



make
まけ
トア
thua



aiko
あいこ
ホア
hoà